

Càng Long, ngày 13 tháng 02 năm 2018

Số: 112/2018/QĐST-HNGĐ

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 173/2018/TLST-HNGĐ, ngày 16 tháng 01 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị N, sinh năm 1992. Nơi ĐKKHKT: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp 5, xã A, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Bị đơn: Anh Đặng Hoàng G, sinh năm 1984. Địa chỉ: ấp T, xã Đ, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ Điều 212 và Điều 213 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điều 55, điều 81, điều 82 và điều 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 05 tháng 02 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị Ngà với anh Đặng Hoàng Giang.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Công nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị N với anh Đặng Hoàng G.

- **Về con chung:** Có một người tên: Đặng Nhật Bảo C, sinh ngày 19/8/2014. Hai bên tự nguyện thỏa thuận quyền nuôi con như sau:

Chị Bùi Thị N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Đặng Nhật Bảo C, sinh ngày 19/8/2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được quyền ngăn cản.

- **Về cấp dưỡng nuôi con:** Chị N chưa đặt ra yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con, nên không xem xét.

- **Về tài sản chung:** Chị N có đơn xin rút lại yêu cầu chia tài sản chung. Về tài sản chung hai bên không yêu cầu giải quyết về tài sản nên không xem xét, giải quyết.

- **Về nợ chung phải thu, phải trả:** Thiếu ông Bùi Văn T số tiền 15.000.000 đồng, chị N, anh G tự nguyện thỏa thuận: mỗi người trả số tiền 7.500.000 đồng cho ông T. Ông T có văn bản không yêu cầu Tòa án giải quyết số nợ chị N, anh G thiếu trong vụ kiện này nên không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí hôn nhân sơ thẩm:** chị Bùi Thị N tự nguyện nộp 150.000 đồng án phí. Anh Đặng Hoàng G không phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Số tiền tạm ứng án phí Hôn nhân 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Bùi Thị N đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2015/0014476, ngày 12/01/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu được trừ vào số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm mà chị N phải nộp, chị N được nhận lại tiền tạm ứng án phí chênh lệch.

Hoàn trả lại cho chị Bùi Thị N tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm số tiền 750.000 đồng (bảy trăm năm mươi nghìn đồng), theo biên lai thu tiền số AA/2015/0014477 ngày 12/01/2018 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu.

3/.Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Cơ quan đã thực hiện việc đăng kết hôn;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Nguyễn Thị Kim Nhung